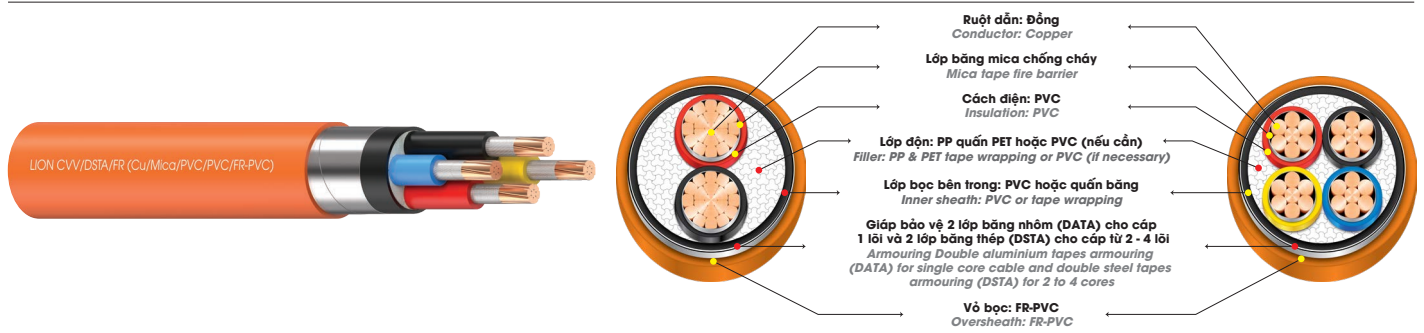


## CÁP CHỐNG CHÁY, RUỘT ĐỒNG, GIÁP BĂNG KIM LOẠI, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ BỌC FR - PVC (CVV/DATA HOẶC DSTA/FR)

FIRE RESISTANT CABLES, COPPER CONDUCTOR, METALLIC TAPE ARMoured,  
PVC INSULATED, FR - PVC SHEATHED (CVV/DATA OR DSTA/FR)



### TIÊU CHUẨN:

- TCVN 5935 - 1 (IEC 60502 - 1)
- IEC 60332 - 1, 3; IEC 60331 - 21
- BS 4066 - 1, 3; BS 6387

### CẤU TRÚC CÁP:

- Ruột dẫn: Sợi đồng ủ mềm cấp 2 theo IEC 60228
- Số lượng ruột dẫn: 1, 2, 3 hoặc 4
- Cách điện: PVC
- Chất đệm: PP quấn PET hoặc PVC, lớp bọc bên trong PVC
- Giáp kim loại: 2 dải băng thép hoặc nhôm
- Vỏ bảo vệ: FR - PVC

### NHẬN BIẾT LỖI:

- \* Bằng màu cách điện:
  - Cáp 1 lõi: màu đen
  - Cáp nhiều lõi: 2 lõi (đỏ, đen), 3 lõi (đỏ, vàng, xanh), 4 lõi (đỏ, vàng, xanh, đen).

\* Hoặc theo yêu cầu khách hàng.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Điện áp danh định  $U_0/U$ : 0.6/1kV
- Nhiệt độ ruột dẫn lớn nhất trong sử dụng bình thường 70°C
- Nhiệt độ ruột dẫn lớn nhất khi ngắn mạch thời gian tối đa 5s:
  - Đối với tiết diện ruột dẫn  $> 300 \text{ mm}^2$ : 140°C
  - Đối với tiết diện ruột dẫn  $\leq 300 \text{ mm}^2$ : 160°C
- Cáp chịu được cháy ở 950°C trong 3h
- Cáp có đặc tính truyền lửa chậm, khó bắt cháy
- Bán kính uốn cong nhỏ nhất: 12xD (D: Đường kính của cáp)

### ỨNG DỤNG:

- Lắp đặt cố định trong các công trình công cộng, hệ thống điện dự phòng, hệ thống khẩn cấp, hệ thống báo cháy, hệ thống phun nước chữa cháy, hệ thống bảo khói và hút khói, hệ thống đèn thoát hiểm...

### STANDARD:

- TCVN 5935 - 1 (IEC 60502 - 1)
- IEC 60332 - 1, 3; IEC 60331 - 21
- BS 4066 - 1, 3; BS 6387

### CONSTRUCTION:

- Conductor: Annealed copper wire class 2 comply to IEC 60228
- Number of conductor: 1, 2, 3 or 4
- Insulation: PVC
- Filler: PP binder tape PET or PVC; Inner sheath: PVC
- Metallic armour: Double of steel tape or Aluminium tape
- Sheath: FR - PVC

### IDENTIFICATION OF CORES:

- \* By color of insulation:
  - Single core cable: Black
  - Multi-core cable: 2 cores (Red, black), 3 cores (red, yellow, blue), 4 cores (red, yellow, blue, black)

\* Or by customer's requirement.

### TECHNICAL CHARACTERISTICS:

- Rated voltage  $U_0/U$ : 0.6/1kV
- Maximum conductor temperature in normal operation 70°C
- Max. conductor temperature in short-circuit for 5s max duration:
  - Conductor cross-section  $> 300 \text{ mm}^2$ : 140°C
  - Conductor cross-section  $\leq 300 \text{ mm}^2$ : 160°C
- Cable are subjected to fire at 950°C for 3 hours
- The flame retardant cables have a significant reduced tendency to propagate fire
- Min. bend radius: 12xD (D: Overall diameter of cable)

### APPLICATION:

- The flame retardant cables are proper used for public facilities, backup power systems, emergency systems, fire alarm systems, sprinklers, smoke detection and extraction equipment, emergency lighting and evacuation systems...



| Số lõi      | Mặt cắt danh định | Kết cấu ruột dẫn<br>(Conductor structure) |                      |                           | Chiều dày cách điện danh định   | Chiều dày băng kim loại danh định | Chiều dày vỏ bảo vệ danh định | Điện trở một chiều lớn nhất của ruột dẫn ở 20°C | Đường kính tổng gần đúng (*) | Khối lượng tổng gần đúng (*) |
|-------------|-------------------|-------------------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|             |                   | Số sợi                                    | Đường kính sợi (*)   | Đường kính ruột dẫn (*)   |                                 |                                   |                               |                                                 |                              |                              |
| No. of core | Nominal Area      | Number of wire                            | Diameter of wire (*) | Diameter of conductor (*) | Nominal thickness of insulation | Nominal thickness of metal tape   | Nominal thickness of sheath   | Max. DC resistance of conductor at 20°C         | Approx. Overall Diameter (*) | Approx. weight (*)           |
|             | mm <sup>2</sup>   |                                           | mm                   | mm                        | mm                              | mm                                | mm                            | Ω/km                                            | mm                           | kg/km                        |
| 1           | 2.5               | 7                                         | 0.67                 | 2.0                       | 0.8                             | 0.5                               | 1.4                           | 7.41                                            | 11.5                         | 185                          |
|             | 4                 | 7                                         | 0.85                 | 2.6                       | 1.0                             | 0.5                               | 1.4                           | 4.61                                            | 12.4                         | 222                          |
|             | 6                 | 7                                         | 1.04                 | 3.1                       | 1.0                             | 0.5                               | 1.4                           | 3.08                                            | 13.0                         | 255                          |
|             | 10                | 7                                         | cc                   | 3.7                       | 1.0                             | 0.5                               | 1.4                           | 1.83                                            | 13.7                         | 306                          |
|             | 16                | 7                                         | cc                   | 4.7                       | 1.0                             | 0.5                               | 1.4                           | 1.15                                            | 14.6                         | 379                          |
|             | 25                | 7                                         | cc                   | 5.9                       | 1.2                             | 0.5                               | 1.4                           | 0.727                                           | 16.3                         | 507                          |
|             | 35                | 7                                         | cc                   | 6.9                       | 1.2                             | 0.5                               | 1.4                           | 0.524                                           | 17.4                         | 622                          |
|             | 50                | 19                                        | cc                   | 7.9                       | 1.4                             | 0.5                               | 1.5                           | 0.387                                           | 19.6                         | 805                          |
|             | 70                | 19                                        | cc                   | 9.6                       | 1.4                             | 0.5                               | 1.5                           | 0.268                                           | 21.3                         | 1,041                        |
|             | 95                | 19                                        | cc                   | 11.2                      | 1.6                             | 0.5                               | 1.6                           | 0.193                                           | 24.0                         | 1,367                        |
|             | 120               | 19                                        | cc                   | 12.6                      | 1.6                             | 0.5                               | 1.6                           | 0.153                                           | 25.5                         | 1,633                        |
|             | 150               | 19                                        | cc                   | 14.0                      | 1.8                             | 0.5                               | 1.7                           | 0.124                                           | 27.6                         | 1,975                        |
|             | 185               | 37                                        | cc                   | 15.7                      | 2.0                             | 0.5                               | 1.8                           | 0.0991                                          | 30.0                         | 2,396                        |
|             | 240               | 37                                        | cc                   | 18.0                      | 2.2                             | 0.5                               | 1.9                           | 0.0754                                          | 33.0                         | 3,018                        |
| 2           | 300               | 61                                        | cc                   | 20.7                      | 2.4                             | 0.5                               | 1.9                           | 0.0601                                          | 36.2                         | 3,745                        |
|             | 400               | 61                                        | cc                   | 23.5                      | 2.6                             | 0.5                               | 2.1                           | 0.0470                                          | 40.0                         | 4,691                        |
|             | 1.5               | 7                                         | 0.52                 | 1.6                       | 0.8                             | 0.2                               | 1.8                           | 12.1                                            | 14.4                         | 328                          |
|             | 2.5               | 7                                         | 0.67                 | 2.0                       | 0.8                             | 0.2                               | 1.8                           | 7.41                                            | 15.4                         | 384                          |
|             | 4                 | 7                                         | 0.85                 | 2.6                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 4.61                                            | 17.2                         | 487                          |
|             | 6                 | 7                                         | 1.04                 | 3.1                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 3.08                                            | 18.8                         | 595                          |
|             | 10                | 7                                         | cc                   | 3.7                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 1.83                                            | 21.3                         | 704                          |
|             | 16                | 7                                         | cc                   | 4.7                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 1.15                                            | 23.2                         | 874                          |
|             | 25                | 7                                         | cc                   | 5.9                       | 1.2                             | 0.2                               | 1.8                           | 0.727                                           | 27.2                         | 1,212                        |
|             | 35                | 7                                         | cc                   | 6.9                       | 1.2                             | 0.2                               | 1.8                           | 0.524                                           | 29.7                         | 1,524                        |
|             | 50                | 19                                        | cc                   | 7.9                       | 1.4                             | 0.2                               | 1.8                           | 0.387                                           | 32.5                         | 1,874                        |
|             | 70                | 19                                        | cc                   | 9.6                       | 1.4                             | 0.2                               | 1.9                           | 0.268                                           | 36.5                         | 2,453                        |
|             | 95                | 19                                        | cc                   | 11.2                      | 1.6                             | 0.2                               | 2.1                           | 0.193                                           | 41.2                         | 3,182                        |
|             | 120               | 19                                        | cc                   | 12.6                      | 1.6                             | 0.5                               | 2.2                           | 0.153                                           | 45.7                         | 4,288                        |
| 3           | 150               | 19                                        | cc                   | 14.0                      | 1.8                             | 0.5                               | 2.3                           | 0.124                                           | 50.5                         | 5,206                        |
|             | 185               | 37                                        | cc                   | 15.7                      | 2.0                             | 0.5                               | 2.4                           | 0.0991                                          | 56.0                         | 6,331                        |
|             | 240               | 37                                        | cc                   | 18.0                      | 2.2                             | 0.5                               | 2.6                           | 0.0754                                          | 61.7                         | 7,849                        |
|             | 1.5               | 7                                         | 0.52                 | 1.6                       | 0.8                             | 0.2                               | 1.8                           | 12.1                                            | 15.2                         | 366                          |
|             | 2.5               | 7                                         | 0.67                 | 2.0                       | 0.8                             | 0.2                               | 1.8                           | 7.41                                            | 16.2                         | 430                          |
|             | 4                 | 7                                         | 0.85                 | 2.6                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 4.61                                            | 18.5                         | 577                          |
|             | 6                 | 7                                         | 1.04                 | 3.1                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 3.08                                            | 19.8                         | 687                          |
|             | 10                | 7                                         | cc                   | 3.7                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 1.83                                            | 22.4                         | 855                          |
|             | 16                | 7                                         | cc                   | 4.7                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 1.15                                            | 24.3                         | 1,076                        |
|             | 25                | 7                                         | cc                   | 5.9                       | 1.2                             | 0.2                               | 1.8                           | 0.727                                           | 29.0                         | 1,558                        |
|             | 35                | 7                                         | cc                   | 6.9                       | 1.2                             | 0.2                               | 1.8                           | 0.524                                           | 31.4                         | 1,932                        |
|             | 50                | 19                                        | cc                   | 7.9                       | 1.4                             | 0.2                               | 1.9                           | 0.387                                           | 34.6                         | 2,414                        |
|             | 70                | 19                                        | cc                   | 9.6                       | 1.4                             | 0.2                               | 2.0                           | 0.268                                           | 39.2                         | 3,222                        |
|             | 95                | 19                                        | cc                   | 11.2                      | 1.6                             | 0.5                               | 2.2                           | 0.193                                           | 45.4                         | 4,681                        |
|             | 120               | 19                                        | cc                   | 12.6                      | 1.6                             | 0.5                               | 2.3                           | 0.153                                           | 49.0                         | 5,582                        |
| 4           | 150               | 19                                        | cc                   | 14.0                      | 1.8                             | 0.5                               | 2.4                           | 0.124                                           | 54.5                         | 6,882                        |
|             | 185               | 37                                        | cc                   | 15.7                      | 2.0                             | 0.5                               | 2.6                           | 0.0991                                          | 59.7                         | 8,305                        |
|             | 240               | 37                                        | cc                   | 18.0                      | 2.2                             | 0.5                               | 2.8                           | 0.0754                                          | 66.3                         | 10,455                       |
|             | 1.5               | 7                                         | 0.52                 | 1.6                       | 0.8                             | 0.2                               | 1.8                           | 12.1                                            | 16.2                         | 415                          |
|             | 2.5               | 7                                         | 0.67                 | 2.0                       | 0.8                             | 0.2                               | 1.8                           | 7.41                                            | 17.3                         | 497                          |
|             | 4                 | 7                                         | 0.85                 | 2.6                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 4.61                                            | 20.0                         | 669                          |
|             | 6                 | 7                                         | 1.04                 | 3.1                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 3.08                                            | 21.5                         | 815                          |
|             | 10                | 7                                         | cc                   | 3.7                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 1.83                                            | 24.2                         | 1,023                        |
|             | 16                | 7                                         | cc                   | 4.7                       | 1.0                             | 0.2                               | 1.8                           | 1.15                                            | 27.0                         | 1,355                        |
|             | 25                | 7                                         | cc                   | 5.9                       | 1.2                             | 0.2                               | 1.8                           | 0.727                                           | 31.4                         | 1,913                        |

| Số lõi      | Mặt cắt danh định | Kết cấu ruột dẫn (Conductor structure) |                      |                           | Chiều dày cách điện danh định   | Chiều dày băng kim loại danh định | Chiều dày vỏ bảo vệ danh định | Điện trở một chiều lớn nhất của ruột dẫn ở 20°C | Đường kính tổng gần đúng (*) | Khối lượng tổng gần đúng (*) |
|-------------|-------------------|----------------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|             |                   | Số sợi                                 | Đường kính sợi (*)   | Đường kính ruột dẫn (*)   |                                 |                                   |                               |                                                 |                              |                              |
| No. of core | Nominal Area      | Number of wire                         | Diameter of wire (*) | Diameter of conductor (*) | Nominal thickness of insulation | Nominal thickness of metal tape   | Nominal thickness of sheath   | Max. DC resistance of conductor at 20°C         | Approx. Overall Diameter (*) | Approx. weight (*)           |
|             | mm <sup>2</sup>   |                                        | mm                   | mm                        | mm                              | mm                                | mm                            | Ω/km                                            | mm                           | kg/km                        |
| 4           | 35                | 7                                      | cc                   | 6.9                       | 1.2                             | 0.2                               | 1.8                           | 0.524                                           | 34.2                         | 2,388                        |
|             | 50                | 19                                     | cc                   | 7.9                       | 1.4                             | 0.2                               | 2.0                           | 0.387                                           | 38.5                         | 3,085                        |
|             | 70                | 19                                     | cc                   | 9.6                       | 1.4                             | 0.5                               | 2.1                           | 0.268                                           | 44.4                         | 4,554                        |
|             | 95                | 19                                     | cc                   | 11.2                      | 1.6                             | 0.5                               | 2.3                           | 0.193                                           | 50.5                         | 5,947                        |
|             | 120               | 19                                     | cc                   | 12.6                      | 1.6                             | 0.5                               | 2.4                           | 0.153                                           | 54.8                         | 7,191                        |
|             | 150               | 19                                     | cc                   | 14.0                      | 1.8                             | 0.5                               | 2.6                           | 0.124                                           | 59.8                         | 8,681                        |
|             | 185               | 37                                     | cc                   | 15.7                      | 2.0                             | 0.5                               | 2.7                           | 0.0991                                          | 65.8                         | 10,548                       |
|             | 240               | 37                                     | cc                   | 18.0                      | 2.2                             | 0.5                               | 3.0                           | 0.0754                                          | 73.0                         | 13,272                       |

### LOẠI 3 PHA + 1 TRUNG TÍNH (3 PHASE + 1 NEUTRAL CORE)

| Stt | Mặt cắt<br>danh định | Kết cấu ruột dẫn<br>(Conductor structure) |                                |                                                       |                           |                                |                                                       | Chiều dày cách<br>điện danh định   |                                 | Chiều dày<br>băng<br>kim loại<br>danh định | Chiều dày<br>vỏ bảo vệ<br>danh định | Điện trở một chiều<br>lớn nhất của ruột<br>dẫn ở 20°C |                                 | Đường<br>kính<br>tổng gần<br>đúng (*) | Khối<br>lượng<br>tổng gần<br>đúng (*) |
|-----|----------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
|     |                      | Pha (Phase)                               |                                |                                                       | Trung tính (Neutral core) |                                |                                                       | Nominal thickness<br>of insulation |                                 |                                            |                                     | Max. DC resistance<br>of conductor<br>at 20°C         |                                 |                                       |                                       |
| No. | Nominal<br>Area      | Số sợi<br>No.<br>of wire                  | Đ.k sợi (*)<br>Dia.<br>of wire | Đường kính<br>ruột dẫn (*)<br>Dia.of<br>conductor (*) | Số sợi<br>No.<br>of wire  | Đ.k sợi (*)<br>Dia.<br>of wire | Đường kính<br>ruột dẫn (*)<br>Dia.of<br>conductor (*) | Pha<br>(Phase)                     | Trung tính<br>(Neutral<br>core) | Nominal<br>thickness<br>of metal<br>tape   | Nominal<br>thickness<br>of sheath   | Pha<br>(Phase)                                        | Trung tính<br>(Neutral<br>core) | Approx.<br>Overall<br>Diameter<br>(*) | Approx<br>weight<br>(*)               |
|     | mm <sup>2</sup>      |                                           | mm                             | mm                                                    |                           | mm                             | mm                                                    | mm                                 | mm                              | mm                                         | mm                                  | Ω/km                                                  | Ω/km                            | mm                                    | kg/km                                 |
| 1   | 3x2.5 + 1x1.5        | 7                                         | 0.67                           | 2.0                                                   | 7                         | 0.52                           | 1.6                                                   | 0.8                                | 0.8                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 7.41                                                  | 12.1                            | 17.0                                  | 477                                   |
| 2   | 3x4 + 1x2.5          | 7                                         | 0.85                           | 2.6                                                   | 7                         | 0.67                           | 2.0                                                   | 1.0                                | 0.8                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 4.61                                                  | 7.41                            | 19.0                                  | 612                                   |
| 3   | 3x6 + 1x4            | 7                                         | 1.04                           | 3.1                                                   | 7                         | 0.85                           | 2.6                                                   | 1.0                                | 1.0                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 3.08                                                  | 4.61                            | 21.0                                  | 777                                   |
| 4   | 3x10 + 1x6           | 7                                         | cc                             | 3.8                                                   | 7                         | 1.04                           | 3.1                                                   | 1.0                                | 1.0                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 1.83                                                  | 3.08                            | 23.7                                  | 969                                   |
| 5   | 3x16 + 1x10          | 7                                         | cc                             | 4.7                                                   | 7                         | cc                             | 3.8                                                   | 1.0                                | 1.0                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 1.15                                                  | 1.83                            | 25.8                                  | 1,240                                 |
| 6   | 3x25 + 1x10          | 7                                         | cc                             | 5.9                                                   | 7                         | cc                             | 3.8                                                   | 1.2                                | 1.0                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 0.727                                                 | 1.83                            | 30.0                                  | 1,703                                 |
| 7   | 3x25 + 1x16          | 7                                         | cc                             | 5.9                                                   | 7                         | cc                             | 4.7                                                   | 1.2                                | 1.0                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 0.727                                                 | 1.15                            | 30.4                                  | 1,779                                 |
| 8   | 3x35 + 1x16          | 7                                         | cc                             | 6.9                                                   | 7                         | cc                             | 4.7                                                   | 1.2                                | 1.0                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 0.524                                                 | 1.15                            | 32.4                                  | 2,132                                 |
| 9   | 3x35 + 1x25          | 7                                         | cc                             | 6.9                                                   | 7                         | cc                             | 5.9                                                   | 1.2                                | 1.2                             | 0.2                                        | 1.8                                 | 0.524                                                 | 0.727                           | 33.4                                  | 2,262                                 |
| 10  | 3x50 + 1x25          | 19                                        | cc                             | 7.9                                                   | 7                         | cc                             | 5.9                                                   | 1.4                                | 1.2                             | 0.2                                        | 1.9                                 | 0.387                                                 | 0.727                           | 36.2                                  | 2,744                                 |
| 11  | 3x50 + 1x35          | 19                                        | cc                             | 7.9                                                   | 7                         | cc                             | 6.9                                                   | 1.4                                | 1.2                             | 0.2                                        | 1.9                                 | 0.387                                                 | 0.524                           | 37.0                                  | 2,858                                 |
| 12  | 3x70 + 1x35          | 19                                        | cc                             | 9.6                                                   | 7                         | cc                             | 6.9                                                   | 1.4                                | 1.2                             | 0.2                                        | 2.0                                 | 0.268                                                 | 0.524                           | 40.7                                  | 3,645                                 |
| 13  | 3x70 +1x50           | 19                                        | cc                             | 9.6                                                   | 19                        | cc                             | 7.9                                                   | 1.4                                | 1.4                             | 0.2                                        | 2.1                                 | 0.268                                                 | 0.387                           | 41.8                                  | 3,826                                 |
| 14  | 3x95 +1x50           | 19                                        | cc                             | 11.2                                                  | 19                        | cc                             | 7.9                                                   | 1.6                                | 1.4                             | 0.5                                        | 2.2                                 | 0.193                                                 | 0.387                           | 47.2                                  | 5,255                                 |
| 15  | 3x95 +1x70           | 19                                        | cc                             | 11.2                                                  | 19                        | cc                             | 9.6                                                   | 1.6                                | 1.4                             | 0.5                                        | 2.3                                 | 0.193                                                 | 0.268                           | 48.4                                  | 5,542                                 |
| 16  | 3x120 +1x70          | 19                                        | cc                             | 12.6                                                  | 19                        | cc                             | 9.6                                                   | 1.6                                | 1.4                             | 0.5                                        | 2.3                                 | 0.153                                                 | 0.268                           | 51.4                                  | 6,397                                 |
| 17  | 3x120 +1x95          | 19                                        | cc                             | 12.6                                                  | 19                        | cc                             | 11.2                                                  | 1.6                                | 1.6                             | 0.5                                        | 2.4                                 | 0.153                                                 | 0.193                           | 54.0                                  | 6,916                                 |
| 18  | 3x150 +1x70          | 19                                        | cc                             | 14.0                                                  | 19                        | cc                             | 9.6                                                   | 1.8                                | 1.4                             | 0.5                                        | 2.5                                 | 0.124                                                 | 0.268                           | 56.4                                  | 7,673                                 |
| 19  | 3x150 +1x95          | 19                                        | cc                             | 14.0                                                  | 19                        | cc                             | 11.2                                                  | 1.8                                | 1.6                             | 0.5                                        | 2.5                                 | 0.124                                                 | 0.193                           | 57.6                                  | 8,006                                 |
| 20  | 3x185 +1x95          | 37                                        | cc                             | 15.7                                                  | 19                        | cc                             | 11.2                                                  | 2.0                                | 1.6                             | 0.5                                        | 2.6                                 | 0.0991                                                | 0.193                           | 61.8                                  | 9,357                                 |
| 21  | 3x185 +1x120         | 37                                        | cc                             | 15.7                                                  | 19                        | cc                             | 12.6                                                  | 2.0                                | 1.6                             | 0.5                                        | 2.7                                 | 0.0991                                                | 0.153                           | 63.0                                  | 9,671                                 |
| 22  | 3x240 +1x120         | 37                                        | cc                             | 18.0                                                  | 19                        | cc                             | 12.6                                                  | 2.2                                | 1.6                             | 0.5                                        | 2.8                                 | 0.0754                                                | 0.153                           | 68.4                                  | 11,726                                |
| 23  | 3x240 +1x150         | 37                                        | cc                             | 18.0                                                  | 19                        | cc                             | 14.0                                                  | 2.2                                | 1.8                             | 0.5                                        | 2.9                                 | 0.0754                                                | 0.124                           | 69.7                                  | 12,122                                |
| 24  | 3x240 +1x185         | 37                                        | cc                             | 18.0                                                  | 37                        | cc                             | 15.7                                                  | 2.2                                | 2.0                             | 0.5                                        | 2.9                                 | 0.0754                                                | 0.0991                          | 71.2                                  | 12,584                                |

CC - Ruột dẫn tròn xoắn ép chặt.

(\*) Giá trị tham khảo: Để thiết kế, phục vụ cho vận chuyển, lưu kho sản phẩm. Không phải là chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm. Ngoài ra chúng tôi cũng có thể sản xuất các loại cáp khác có kết cấu và tiêu chuẩn theo yêu cầu khách hàng.

CC - Circular Compacted Stranded Conductor.

(\*) Reference value: For design, transportation, storage products. Not for evaluating the quality of products.

We commit to providing customized cable solution to suit any customer standards and requirements.